

Toàn cảnh Thị trường Lúa gạo và Triển vọng

2/2016



Phát hành 15/3/2016

AgroMonitor
viettraders

Công ty CP Phân tích và Dự báo Thị trường Việt Nam; P1604 Tầng 16, Tòa nhà 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa-Hà Nội

Tel: + 84 4 66741395 - Website: www.agromonitor.vn - Email: agromonitor.sale@gmail.com

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO THÁNG 2/2016

MỤC LỤC

1. CÁC DIỄN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG THÁNG 2/2016	2
2. CÂN ĐỐI CUNG CẦU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016 VÙNG ĐBSCL – CẬP NHẬT 11/03/2016.....	3
3. DỰ BÁO USDA THÁNG 3/2016.....	4
4. THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC.....	5
5. THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	9
6. SỰ KIỆN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ	10
7. PHỤ LỤC SỐ LIỆU	12

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Bảng 1: So sánh vụ ĐX 2014-15 và ĐX 2015-16 (ngàn tấn, ngàn ha).....</i>	<i>3</i>
<i>Bảng 2: Bảng cân đối cung cầu 6 tháng đầu năm 2016 - Đồng bằng Sông Cửu Long.....</i>	<i>3</i>
<i>Bảng 3: Lượng giao hàng hợp đồng tập trung Quý 2/2016 (ngàn tấn).....</i>	<i>4</i>
<i>Bảng 4: Sản xuất và thương mại gạo toàn cầu năm 2012 – 2016 (triệu tấn).....</i>	<i>4</i>
<i>Bảng 5: Bảng dự báo xuất khẩu năm 2016 của USDA tháng 3/2016 (triệu tấn)</i>	<i>5</i>
<i>Bảng 6: Bảng dự báo nhập khẩu năm 2015-2016 của USDA tháng 3/2016 (triệu tấn).....</i>	<i>5</i>
<i>Bảng 7: Tiến độ xuất khẩu các nước năm 2016.....</i>	<i>10</i>
<i>Bảng 8: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo 1/2015-2/2016.....</i>	<i>12</i>
<i>Bảng 9: Top 20 thị trường tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo lượng (tấn)</i>	<i>13</i>
<i>Bảng 10: Top 20 thị trường tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo kim ngạch (USD).....</i>	<i>14</i>
<i>Bảng 11: Top 20 doanh nghiệp tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo lượng (tấn).....</i>	<i>15</i>
<i>Bảng 12: Top 20 doanh nghiệp tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo kim ngạch (USD).....</i>	<i>16</i>
<i>Bảng 13: Giá một số đơn hàng lớn tháng 1/2016 (USD/tấn, FOB)</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 14: Giá một số đơn hàng lớn tháng 2/2016 (USD/tấn, FOB)</i>	<i>18</i>

DANH MỤC CÁC BIỂU

<i>Biểu 1: Giá nguyên liệu, thành phẩm và giá chào xuất khẩu theo tuần, năm 2015-2016, cập nhật đến tuần 07/03-11/03/2016.....</i>	<i>7</i>
<i>Biểu 2: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam theo tháng, 2014-2016</i>	<i>8</i>
<i>Biểu 3: Top 10 thị trường nhập khẩu gạo theo chủng loại tháng 2/2016 (ngàn tấn)</i>	<i>8</i>
<i>Biểu 4: Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo tháng 2/2016 (ngàn tấn)</i>	<i>9</i>
<i>Biểu 5: Giá chào xuất khẩu gạo của Việt Nam, Thái, Ấn Độ theo tuần, đến tuần 07/03-11/03/2016 (USD/tấn).....</i>	<i>10</i>

2. CÂN ĐỐI CUNG CẦU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016 VÙNG ĐBSCL – CẬP NHẬT 11/03/2016

Cập nhật một số chỉ tiêu xuất khẩu

- Xuất khẩu chính ngạch tháng 02/2016 đạt 468 ngàn tấn (số liệu sơ bộ của Hải quan), xuất khẩu tiểu ngạch tháng 02/2016 đạt 55 ngàn tấn, tổng xuất khẩu điều chỉnh tháng 02/2016 là 524 ngàn tấn, tăng 190 ngàn tấn so với cùng kỳ 2015.
- Năng suất Lúa XX tấn/XXX. Sản XXX XXX XXXXX XX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX.
- Tồn kho vụ Đông Xuân XX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXLúa giảm.
- Áp lực giao hàng XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXX XXtháng XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXt bằng giá.

Bảng 1: So sánh vụ ĐX 2014-15 và ĐX 2015-16 (ngàn tấn, ngàn ha)

	ĐX 2014-15	ĐX 2015-16
<i>Diện tích thu hoạch</i>	1569	1XXX
<i>Sản lượng Lúa</i>	11352	1XXX
<i>Sản lượng gạo</i>	7024	6XXX
<i>Xuất khẩu chính ngạch</i>	1877	2XXX
<i>Xuất khẩu tiểu ngạch</i>	811	5XX
<i>Tổng tồn kho cuối kỳ</i>	1709	XX7

Bảng 2: Bảng cân đối cung cầu 6 tháng đầu năm 2016 - Đồng bằng Sông Cửu Long

Chỉ tiêu/ Tháng	1	2	3	4	5	6
<i>Diện tích thu hoạch</i>	450	550	4XX	1XX	XX0	XX0
<i>Sản lượng Lúa</i>	3,026	3,868	3,XXX	1,XXX	XXX5	2,XX3
<i>Sản lượng gạo</i>	1,863	2,371	XXXX	XXX	XXXX	XXXX
<i>Tiêu thụ nội địa</i>	781	1,095	9XX	3XX	8XX	8XX
<i>Tổng tồn kho đầu kỳ</i>	244	418	1,XXX	1,XXX	7XX	XXX
<i>Nhập khẩu (CamPuChia)</i>	XX	XX	XX	XX	-	-
<i>Tổng cung gạo xuất khẩu</i>	1,395	1,764	2XXX	1,XXX	1,XXX	1XXX
<i>Xuất khẩu chính ngạch</i>	508	500	XXX	7XX	XXX	XXX
<i>Xuất khẩu tiểu ngạch</i>	114	150	XXX	XXX	XXX	XX
<i>Tổng tồn kho cuối kỳ</i>	418	1,114	XXXX	7XX	XXX	XXX

Bảng 3: Lượng giao hàng hợp đồng tập trung Quý 2/2016 (ngàn tấn)

Thị trường	Đã giao trong tháng 10	Đã giao trong tháng 11	Đã giao trong tháng 12	Đã giao trong tháng 1/2016	Giao trong tháng 2 2016	Dự kiến Giao trong tháng 3 2016
Philippines - NFA	119	92	73	XX	1XX	XX
Philippines - Tư nhân	136	64	16	XX	XX	X
Indonesia	217	224	211	XXX	XXX	XX
Tổng	503	410	329	XXX	XXX	XX

3. DỰ BÁO USDA THÁNG 3/2016

Theo báo cáo Markets & Trade tháng 3/2016 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), dự báo sản lượng toàn cầu năm 2016 tăng nhẹ so với dự báo tháng trước, lên mức 471,049 triệu tấn do dự kiến sản lượng tại Ấn Độ tăng, tuy nhiên vẫn ở mức thấp nhất từ năm 2013 trở lại đây. Thương mại gạo toàn cầu năm 2016 được dự báo ở mức 41,693 triệu tấn, xấp xỉ dự báo tháng trước. Tồn kho gạo toàn cầu cuối năm được dự báo tăng 1,2 triệu tấn, lên mức 90,514 triệu tấn.

Năm 2016, USDA dự báo tăng lượng xuất khẩu của một nước xuất khẩu lớn: Cụ thể lượng xuất khẩu Ấn Độ đạt 8,6 triệu tấn (tăng 100 ngàn tấn), Campuchia đạt 0,9 triệu tấn (tăng 100 ngàn tấn). Xuất khẩu Thái Lan, Việt Nam, Pakistan vẫn tiếp tục được dự báo ở mức lần lượt là 10; 7; 4,6 triệu tấn. Về phía nhập khẩu, USDA dự báo tăng nhập khẩu Trung Quốc lên 300 ngàn tấn so với dự báo tháng trước, lên mức 5 triệu tấn; nhập khẩu Indonesia tăng 100 ngàn tấn so với dự báo tháng trước, lên mức 2 triệu tấn.

Bảng 4: Sản xuất và thương mại gạo toàn cầu năm 2012 – 2016 (triệu tấn)

Năm/Chỉ tiêu	Sản lượng	Thương mại	Tiêu thụ	Tồn kho
2012	467,611	39,967	460,820	106,826
2013	472,488	39,482	468,694	110,620
2014	478,423	43,397	481,559	107,484
2015	478,758	42,579	482,588	103,654
Dự báo 2016	471,049	41,693	484,231	90,514

Nguồn: Báo cáo World Markets and Trade, Bộ Nông nghiệp Mỹ

Bảng 5: Bảng dự báo xuất khẩu năm 2016 của USDA tháng 3/2016 (triệu tấn)

Tên nước	2014	2015	2016
Ấn Độ	10,907	10,969	8,6
Thái Lan	10,969	9,779	10
Việt Nam	6,325	6,606	7
Pakistan	3,6	4,0	4,6
Campuchia	1,0	1,1	0,9
Myanmar	1,688	1,735	1,8
Uruguay	0,957	0,718	0,95

Bảng 6: Bảng dự báo nhập khẩu năm 2015-2016 của USDA tháng 3/2016 (triệu tấn)

Tên nước	2014	2015	2016
Trung Quốc	4,450	5,150	5,0
Nigeria	3,2	3,0	2,5
Indonesia	1,225	1,198	2,0
Malaysia	0,989	1,0	1,0
Philippines	1,8	1,85	2,0
Bờ Biển Ngà	0,95	1,1	0,8
Senegal	1,2	1,1	1,1
Ghana	0,59	0,5	0,6

4. THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- Tháng 2/2016, giá gạo nguyên liệu và thành phẩm IR 504 có xu hướng tăng nhẹ do các kho đầy mạnh làm hàng gạo 15% tằm từ sau Tết Nguyên Đán. Tại Kiên Giang, giá gạo nguyên liệu/thành phẩm IR 504 cuối tháng 2 ở mức 6500-6570/7400-7500 đồng/kg, tại kho, xấp xỉ mức giá cuối tháng trước. Giá gạo thành phẩm 5/15/25% tằm nửa đầu tháng giảm nhẹ, cuối tháng tăng trở lại lên mức 7600/7500/7350 đồng/kg, cập mạn, tăng nhẹ 50-100 đồng/kg so với mức giá cuối tháng trước.

- Trong tháng 2, giao dịch đi Bắc ngưng lại. Giao hàng qua biên giới ít do Trung Quốc siết chặt, lượng tàu gạo từ miền Tây ra cảng Hải Phòng rất ít do gió mùa, giá cước cont vận chuyển ra Bắc

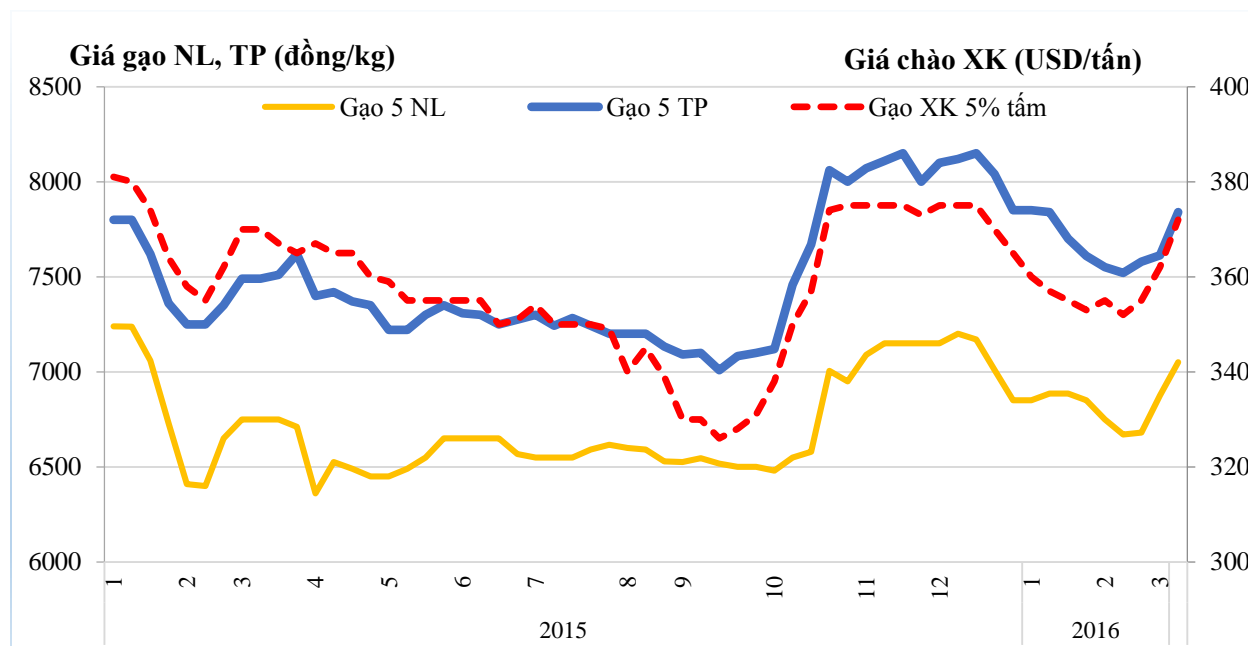
tăng. Giao dịch gạo thành phẩm IR 50404/ OM 6976 cuối tháng 1 ở mức 7350-7400/7700 đồng/kg, tại kho, giảm nhẹ 50 đồng/kg so với cuối tháng trước.

- Giao dịch xuất khẩu gạo xxxxxxxx xxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx.

- Giá chào xuất khẩu gạo xxxxxxxx xxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx

Triển vọng: Sang đầu tháng 3, nhu cầu thu mua xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxx xxxxxxxx
xxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx
xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx
xxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx
xxxxxx xxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxxxx xxxxxxxxxxxxxx
xxxxxxxxxxxxxxxxxxx xxxxxx xxxxxxxxxxxxxx tại một số địa phương.

Biểu 1: Giá nguyên liệu, thành phẩm và giá chào xuất khẩu theo tuần, năm 2015-2016, cập nhật đến tuần 07/03-11/03/2016

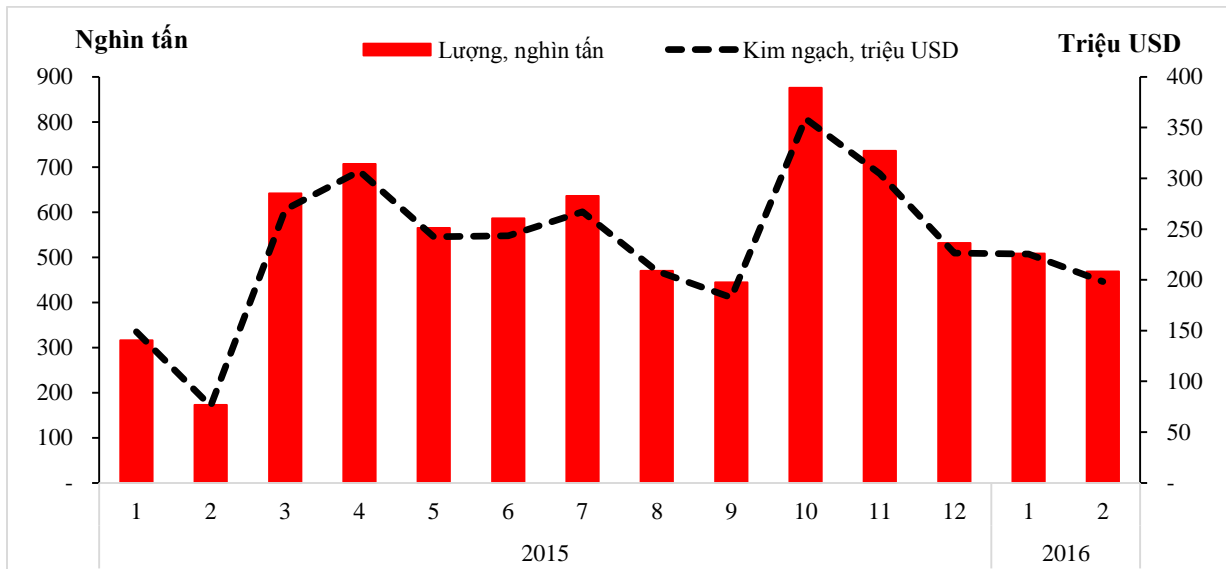


CSDL AgroMonitor

Theo số liệu sơ bộ Hải quan, xuất khẩu gạo tháng 2/2016 đạt 468,77 ngàn tấn. Trong đó top các thị trường nhập khẩu là: Indonesia 192,88 ngàn tấn, Trung Quốc 95,76 ngàn tấn, Philippines 75,03 ngàn tấn, Cuba 29 ngàn tấn và Malaysia 19,7 ngàn tấn. Chủn loại xuất khẩu chủ yếu là gạo 15% tấm 187,38 ngàn tấn và gạo 5% tấm 90,28 ngàn tấn. Lũy kế xuất khẩu đến hết tháng 2 đạt 977 ngàn tấn, kim ngạch 423,8 triệu USD, tăng 99,91% về lượng và 88,83% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2015.

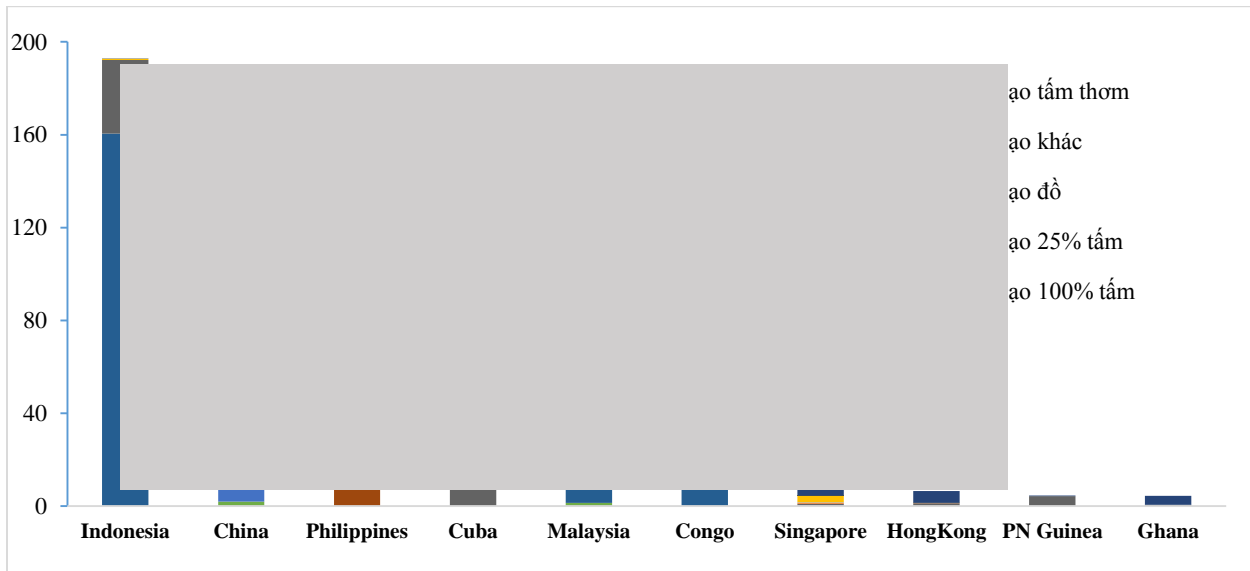
Trong khi đó theo VFA, kết quả giao hàng từ ngày 01/02 đến ngày 29/02/2016 đạt 439.449 tấn, trị giá FOB 178,006 triệu USD, trị giá CIF 190,290 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu gạo đến từ ngày 01/01 đến ngày 29/02/2016 đạt 856.219 tấn, trị giá FOB 347,834 triệu USD, trị giá CIF 371,695 triệu USD.

Biểu 2: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam theo tháng, 2014-2016



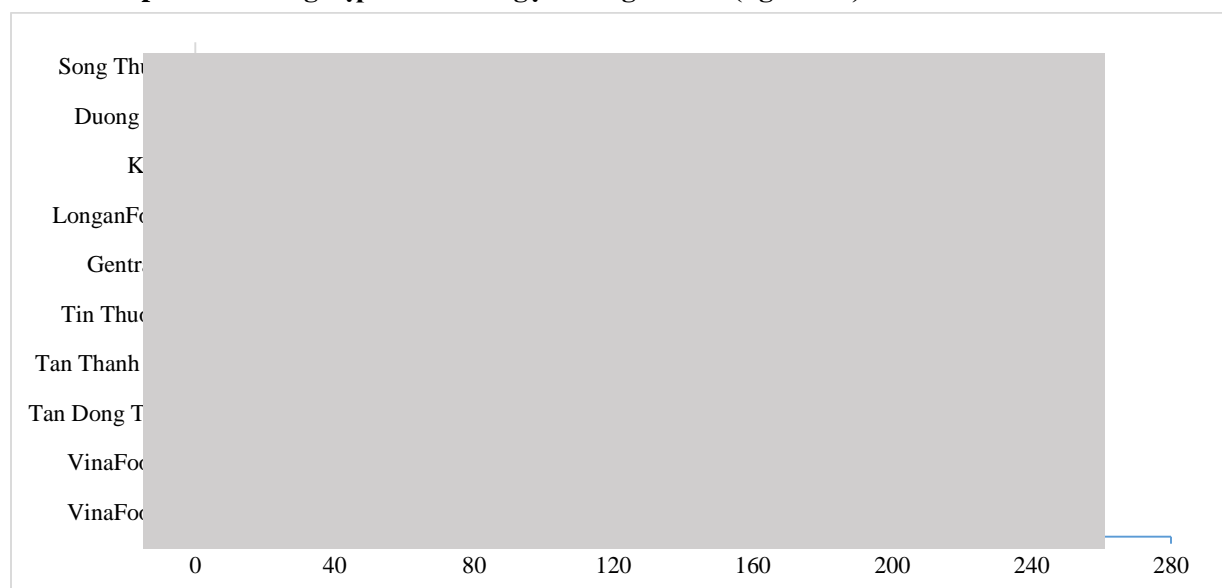
Ghi chú: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

Biểu 3: Top 10 thị trường nhập khẩu gạo theo chủng loại tháng 2/2016 (nghìn tấn)



Ghi chú: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

Biểu 4: Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo tháng 2/2016 (ngàn tấn)



Ghi chú: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

5. THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

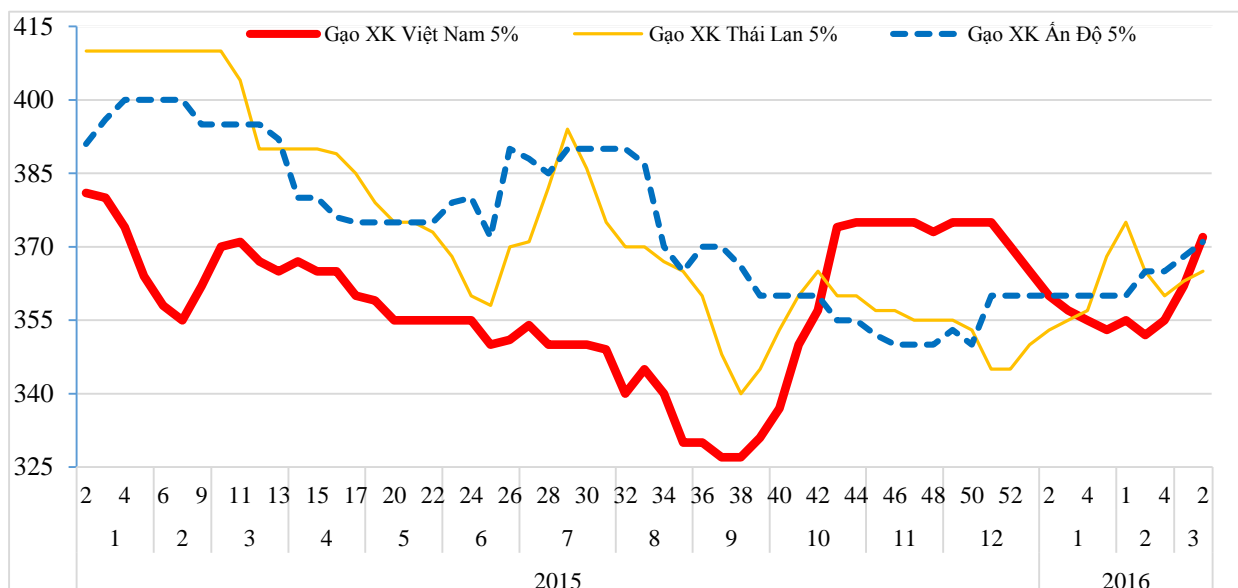
Các nước xuất khẩu:

Thái Lan: Trong tháng 2/2016, giá gạo xuất khẩu Thái Lan giảm mạnh mẽ. Cuối tháng giá xuất khẩu gạo Thái 5% tằm ở mức mức 360 USD/tấn, giảm 15 USD/tấn so với giá đầu tháng. Ngày 26/2, Bộ Thương mại Thái Lan cho biết, hiện tồn kho Chính phủ còn khoảng 11 triệu tấn. Trong năm 2016, Chính phủ kế hoạch bán ra 5 triệu tấn. Theo đó, Chính phủ sẽ mở 1-2 phiên thầu mỗi tháng, từ tháng 3-7/2016. Phiên thầu tới dự kiến vào cuối tháng 3, Chính phủ sẽ bán 400-500 ngàn tấn. Bộ Thương mại Thái Lan đang xem xét để cho phép các nhà thầu quốc tế tham gia.

Vụ 2 của Thái Lan bị ảnh hưởng nặng bởi hạn hán, ngày 9/3, Bộ trưởng Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan cho biết, tình trạng khô hạn đang diễn ra có thể tàn phá 80.000 ha diện tích trồng lúa tại miền Trung Thái Lan, trong đó khoảng 64.000 ha diện tích trồng lúa dọc bờ sông Chao Phraya chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất.

Ấn Độ: Giá gạo xuất khẩu Ấn Độ trong tháng tăng nhẹ, giá gạo xuất khẩu 5% tằm cuối tháng ở mức 365 USD/tấn. Chính phủ Ấn Độ thu mua 26,13 triệu tấn gạo vụ Kharif đến ngày 11/2/2016, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước. Kho dự trữ Ấn Độ tại ngày 1/2/2016 đạt 28,95 triệu tấn, tăng 16% so với cùng kỳ.

Biểu 5: Giá chào xuất khẩu gạo của Việt Nam, Thái, Ấn Độ theo tuần, đến tuần 07/03-11/03/2016 (USD/tấn)



Về xuất khẩu các nước, theo nguồn tin quốc tế, xuất khẩu gạo đến ngày 16/2/2016, Thái Lan đạt 1,591 triệu tấn, Ấn Độ 1,203 triệu tấn, Việt Nam 1,17 triệu tấn và Pakistan 0,9 triệu tấn.

Bảng 7: Tiến độ xuất khẩu các nước năm 2016

Nước xuất khẩu	Tuần 03/02-09/02 (ngàn tấn)	Tuần 10/02-16/02 (ngàn tấn)	Lũy kế từ đầu năm 2016 (triệu tấn)	Cùng kỳ năm 2015 (triệu tấn)
Thái Lan	186	191	1,591	1,168
Ấn Độ	155	167	1,069	1,203
Việt Nam	143	105	1,170	0,708
Pakistan	107	103	0,901	0,810

6. SỰ KIẾN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

01/02: Chính phủ Thái Lan có kế hoạch mở thầu bán 560 ngàn tấn từ kho dự trữ vào ngày 16-17/2/2016 (204 ngàn tấn gạo tốt và 360 ngàn tấn gạo xấu).

02/02: Giá gạo tại Myanmar tăng mạnh do sự gia tăng xuất khẩu sang biên giới Trung Quốc.

16/2: Chính phủ Thái Lan bán 152.377 tấn trong đấu thầu kế hoạch bán ra 204 ngàn tấn gạo tốt, thu về 1,78 tỷ Baht (50 triệu USD).

16.2: Tổng MAV cho tư nhân Philippines năm 2016 tiếp tục ở mức 805 ngàn tấn. Trong đó MAV nhập khẩu từ Việt Nam và Thái Lan đều ở mức 290 ngàn tấn, các nước khác 175 ngàn tấn. Một nửa lượng MAV sẽ được nhập trước 30/6/2016 và còn lại sẽ nhập trước 30/9/2016.

XXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX
XXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX
XXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX
XXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXX XXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX
XXXXXX XXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXX XXXXX XXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
XX

XXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX
XXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX
XXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXX XXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXX
XX

29/2: Iraq mở thầu mua 30 ngàn tấn gạo từ Mỹ, Uruguay, Argentina. Thời hạn nộp đơn dự thầu đến ngày 8/3/2016.

26/2: Tổng Công ty Thương mại Lương thực và Thủy sản Hàn Quốc (KAFTC) đã mua 25 ngàn tấn gạo nguồn gốc Ấn Độ, giao đến 30/6/2016.

7/3: Chính phủ Lào đặt mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo trong năm 2016.

8/3: Hàn Quốc cho biết sẽ mua thêm 157 ngàn tấn gạo từ nông dân trong nước để bình ổn giá cả.

7. PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Bảng 8: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo 1/2015-2/2016

Năm, tháng	Lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)	
2015	1	315,773	148,802,424
	2	172,950	75,639,076
	3	641,686	269,275,796
	4	706,886	306,931,384
	5		
	6		
	7		
	8		
	9		
	10		
	11		
	12		
2016	1		
	2		

Bảng 9: Top 20 thị trường tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo lượng (tấn)

Tháng 2/2016		2 tháng 2016	
Thị trường	Lượng	Thị trường	Lượng
Indonesia		Indonesia	
China		China	
Philippines		Philippines	
Cuba		Cuba	
Malaysia		Ghana	
Congo (Democratic Rep.)		Malaysia	
Singapore		Cote DIvoire (Ivory Coast)	
HongKong		United States of America	
Papua New Guinea		Congo (Democratic Rep.)	
Ghana		Singapore	
United Arab Emirates		HongKong	
Cote DIvoire (Ivory Coast)		Papua New Guinea	
Taiwan		United Arab Emirates	
Angola	2,151	Taiwan	
United States of America	2,041	Tanzania (United Rep.)	
Saudi Arabia	1,717	Saudi Arabia	2,579
Brunei Darussalam		Brunei Darussalam	
Tanzania (United Rep.)		Angola	
Netherlands		South Africa	
Georgia	707	Netherlands	
Khác	9,957	Khác	22,113
Tổng	468,766	Tổng	977,019

Bảng 10: Top 20 thị trường tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo kim ngạch (USD)

Tháng 2/2016		2 tháng 2016	
Thị trường	Kim ngạch	Thị trường	Kim ngạch
Indonesia		Indonesia	
China		China	
Philippines		Philippines	
Cuba		Cuba	
Malaysia		Ghana	
Congo (Democratic Rep.)		Cote DIvoire (Ivory Coast)	
Singapore		Malaysia	
HongKong		United States of America	
Ghana		Singapore	
United Arab Emirates		HongKong	
Papua New Guinea		Congo (Democratic Rep.)	
Cote DIvoire (Ivory Coast)		Papua New Guinea	
United States of America		United Arab Emirates	
Taiwan		Taiwan	2,204,626
Saudi Arabia		Tanzania (United Rep.)	
Angola		Saudi Arabia	
Brunei Darussalam	752,650	Brunei Darussalam	
Tanzania (United Rep.)	471,000	Angola	
Georgia		Qatar	
Qatar		South Africa	
Khác		Khác	
Tổng	198,331,536	Tổng	423,805,309

Bảng 11: Top 20 doanh nghiệp tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo lượng (tấn)

Tháng 2/2016		2 tháng 2016	
Doanh nghiệp	Lượng	Doanh nghiệp	Lượng
XXXXXXXXXX		XXXXXXXXXX	
XXXXXXXXXXXXXXXXXX		XXXXXXXXXX	
XXXXXXXXXXXXXXXXXX		CT CP XXXXXXXXX	
CXXXXXXXXXX		CT TNHH XXXXXXXXXXXXX	
CT XXXXXX		CT CP Quốc XXXXXX	
CT CP XXXXXX		CT TNHH MTV XNK XXXXXX	
CT LT XXXXXXXXX		CT CP TMĐT Tin XXXXXXXXX	
CT TNHH MTV XXXXXXXXXXXXX		CT TNHH XXXXXX.	
CT TNHH XXXXXXXXXXXXX		CT CP XXXXXXXXXXXXX	
CT TNHH XXXXXXXXX		CT LT XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX	
CT TNHH MTV Kinh Doanh Và Xây Xát Lúa Gạo XXXXXXXXX		CT TNHH LT XXXXXXXXX	
CT CP Tập Đoàn XXXXXXXXXXXX		CT CP Tập Đoàn XXXXXXXXX	
CT TNHH LT Thực Phẩm XXXXXXXXXXXX		CT TNHH XX	
CT TNHH XXXXXXXXX		CT TNHH LT XXXX	
CT CP Kinh Doanh Nông Sản XX		CT CP XNK XXXXXX	
CT TNHH XXXXXXXXX		CNĐT XXXXXXXXXXXXXXX	
CT CP LT XXXXXXXXX		CT TNHH XXXXXXXXXXXXX	
CT TNHH TM Và DV XXXXXX		CT CP XXXXXXXXXXXXXXX	
DNTN XXXXXXXXX		CT TNHH MTV Du Lịch TM XX	
Hợp Tác Xã XXXXXXXXXXXXX		CT TNHH XXXXXXXXX	
Khác		Khác	
Tổng	XXXXXXXXXX	Tổng	XXXXXX

Bảng 12: Top 20 doanh nghiệp tháng 2 và lũy kế 2 tháng năm 2016 theo kim ngạch (USD)

Tháng 2/2016		2 tháng 2016	
Doanh nghiệp	Kim ngạch	Doanh nghiệp	Kim ngạch
XXXXXXXXXX		XXXXXXXXXX	
XXXXXXXXXXXXXXXXXX		XXXXXXXXXX	
XXXXXXXXXXXXXXXXXX		CT CP XXXXXXXXX	
CXXXXXXXXXX		CT TNHH XXXXXXXXXXXXX	
CT XXXXXX		CT CP Quốc XXXXXX	
CT CP XXXXX		CT TNHH MTV XNK XXXXXX	
CT LT XXXXXXXXX		CT CP TMĐT Tin XXXXXXXX	
CT TNHH MTV XXXXXXXXXXXXX		CT TNHH XXXXX.	
CT TNHH XXXXXXXXXXXXX		CT CP XXXXXXXXXXXXX	
CT TNHH XXXXXXXXX		CT LT XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX	
CT TNHH MTV Kinh Doanh Và Xây Xát Lúa Gạo XXXXXXXXX		CT TNHH LT XXXXXXXXX	
CT CP Tập Đoàn XXXXXXXXXXXX		CT CP Tập Đoàn XXXXXXXX	
CT TNHH LT Thực Phẩm XXXXXXXXXXXX		CT TNHH XX	
CT TNHH XXXXXXXX		CT TNHH LT XXXX	
CT CP Kinh Doanh Nông Sản XX		CT CP XNK XXXXX	
CT TNHH XXXXXXXX		CNĐT XXXXXXXXXXXXXXX	
CT CP LT XXXXXXXXX		CT TNHH XXXXXXXXXXXXX	
CT TNHH TM Và DV XXXXXX		CT CP XXXXXXXXXXXXXXX	
DNTN XXXXXXXXX		CT TNHH MTV Du Lịch TM XX	
Hợp Tác Xã XXXXXXXXXXXXX		CT TNHH XXXXXXXX	
Khác		Khác	
Tổng	XXXXXXX	Tổng	XXXXXX

Bảng 13: Giá một số đơn hàng lớn tháng 1/2016 (USD/tấn, FOB)

Chủng loại	Các đơn hàng	Đơn giá USD/tấn	Lượng (tấn)	Quy cách đóng bao	Thị trường
Gạo 5% tấm	1			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Cuba
	2			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Cuba
	3			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Cuba
	4			Bao 50Kg	Philippines
	5			24,5 tấn/Cont	Papua N.G
Gạo 10% tấm	1			-	Malaysia
	2			Bao 50Kg	China
	3			Bao 50Kg	China
	4			Bao 50Kg	China
	5			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Philippines
Gạo 15% tấm	1			Bao 25Kg, 2% bao rỗng	Malaysia
	2			Bao 25Kg	Malaysia
	3			Bao 25Kg	Malaysia
	4			Bao 25Kg, 2% bao rỗng	Malaysia
	5			Bao 50Kg	China
Gạo thơm	1			Jasmine, Bao 5x5Kg	Ghana
	2			Jasmine, Bao 50Kg	Ghana
	3			Bao 5x5Kg, 2% bao rỗng	Cote Divoire
	4			KDM, Bao 5x5Kg, 2% bao rỗng	Cote Divoire
	5			Jasmine, Bao 25Kg	Ghana
Gạo tấm thơm	1			Bao PP 22,5Kg	Cote Divoire
	2			Bao 25Kg	Ghana
	3			Bao 25Kg	Ghana
	4			Bao 25Kg	Ghana
Gạo nếp	1			Bao PP 25Kg, 0,5% bao rỗng	Malaysia
	2			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Philippines
	3			Bao 25Kg	Singapore
	4			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Philippines
	5			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Philippines
Gạo đỏ	1			Bao 50Kg	South Africa
	2			Bao 50Kg	South Africa
	3			Bao 50Kg	South Africa
	4			Bao 50Kg	South Africa

Bảng 14: Giá một số đơn hàng lớn tháng 2/2016 (USD/tấn, FOB)

Chủng loại	Các đơn hàng	Đơn giá USD/tấn	Lượng (tấn)	Quy cách đóng bao	Thị trường
Gạo 5% tấm	1			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	Cuba
	2			Bao PP 50Kg, 2% bao rỗng	Philippines
	3			Bao PP 50Kg	China
	4			Bao PP 50Kg	Angola
	5			24,5 tấn/cont	Papua New Guinea
Gạo 10% tấm	1			-	Malaysia
	2			Bao 50Kg	China
	3			Bao 50Kg	China
	4			Bao 50Kg	China
	5			Bao 30Kg	Taiwan
Gạo 15% tấm	1			Bao 25Kg, 2% bao rỗng	Malaysia
	2			Bao 25Kg, 2% bao rỗng	Malaysia
	3			Bao 25Kg, 2% bao rỗng	Malaysia
	4			Bao PP 50Kg, 1% bao rỗng	China
	5			-	China
Gạo 100% tấm	1			Bao PP 50Kg	China
	2			-	Australia
	3			-	Australia
Gạo thơm	1			Jasmine, Bao PP 25Kg	Malaysia
	2			Nang Hoa, Bao PP+PE 50Kg	Malaysia
	3			KDM, Bao 5x5Kg, 3% bao rỗng	Cote Divoire
	4			KDM, Bao 5x5Kg, 3% bao rỗng	Cote DIvoire
	5			Nang Hoa, Bao PP+PE 50Kg	Malaysia
Gạo tấm thơm	1			Bao PP 50Kg	Cote DIvoire
	2			-	Singapore
Gạo nếp	1			Bao PP 25Kg, 0,5% bao rỗng	Malaysia
	2			Bao PP 25Kg, 0,5% bao rỗng	Malaysia
	3			Bao 50Kg, 1% bao rỗng	China
	4			Bao PP 25Kg, 0,5% bao rỗng	Malaysia
	5			Bao 25Kg	Singapore